TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Phúc

2. Bà Võ Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Thu L, sinh năm 1978. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L: Ông Trầm Phú L1 – Luật sư Công ty L4 – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1975. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Trần Ngọc Q hiện đang chấp hành án tại: Đ, khu A, phân trại số B – Trại Giam M - Cục C1 - Bộ C2. Địa chỉ: Khu C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 08/01/2024, Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 19/4/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L trình bày: Do quen biết nên bà Huỳnh Thị Thu L và ông Trần Ngọc Q tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, ông Trần Ngọc Q không quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị Thu L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Ngọc Q.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia C, sinh ngày 09/10/2003 và Trần Gia L2, sinh ngày 03/3/2006. Hiện 02 con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo tờ tự khai ngày 14/4/2024, bị đơn ông Trần Ngọc Q trình bày: Ông Trần Ngọc Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thu L, về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia C, sinh ngày 09/10/2003 và Trần Gia L2, sinh ngày 03/3/2006. Hiện 02 con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản Luận cứ ngày 20/4/2024 Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L3: Luật sư Trầm Phú L1 trình bày: Luật sư đồng tình với quan điểm của nguyên đơn Huỳnh Thị Thu L, đưa ra những luận cứ để bảo vệ cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu L và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Thu L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, bà Huỳnh Thị Thu L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Ngọc Q. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Xét thấy bà Huỳnh Thị Thu L, ông Trần Ngọc Q và Luật sư Trầm Phú L1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Thu L, ông Trần Ngọc Q và Luật sư Trầm Phú L1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu L và ông Trần Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/5/2003, tại quyển số I, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Huỳnh Thị Thu L đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, ông Trần Ngọc Q không quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Ông Trần Ngọc Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thu L nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Thu L và ông Trần Ngọc Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu L.

[4] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thu L và ông Trần Ngọc Q thống nhất có 02 con chung tên Trần Gia C, sinh ngày 09/10/2003 và Trần Gia L2, sinh ngày 03/3/2006. Hiện các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thu L và ông Trần Ngọc Q xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Thu L được ly hôn với ông Trần Ngọc Q;

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003172 ngày 30/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước nên xem thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy